TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 19-4-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sửu
2. Ông Lê Thanh Nhất

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Số 210, T, phường T, quận K, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S: Ông Hồ Tuấn L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017)

Người được ủy quyền lại của ông Hồ Tuấn L: Ông Trần Văn K (vắng mặt), ông Trần Tiến N (vắng mặt), ông Bùi Văn T, sinh năm 1987 (có mặt) – Cán bộ Ngân hàng Ngân hàng TMCP B (Theo văn bản ủy quyền số 03/2022/UQ-LPB.VP ngày 15/7/2022);

- *Bị đơn*: Ông Dương Đức M, sinh năm 1956 và anh Dương Thanh T, sinh năm 1985; Đều cư trú: tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh V (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/8/2020, Ngân hàng B ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số HD041708200390 cho ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T vay 115.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 12.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, mục đích vay là tiêu dùng, khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp tài sản là tiền thu nhập hình thành trong tương lai phát sinh từ lương hưu và/hoặc trợ cấp BHXH chi trả của bên vay. Trả nợ gốc và lãi: trả 01 lần/tháng cùng với kỳ lĩnh lương hưu, nhưng không quá ngày 20 háng tháng. Kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/9/2020 và mỗi tháng trả 1.917.000đ, tháng cuối cùng trả 1.897.000đ. Trong quá trình vay vốn ngân hàng ông M, anh T đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền là 67.433.174đ, trong đó: 46.357.031đ tiền gốc và 21.076.033đ tiền lãi, phạt (lần trả tiền gần nhất của ông Minh và anh Tùng là ngày 19/7/2022, trả 3.800.000đ; ngày 07/01/2023 trả 700.000đ). Đến ngày 21/4/2022, ông M và anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã gửi thông báo đôn đốc nợ nhiều lần nhưng ông M, anh T vẫn không thực hiện như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông M, anh T sang nợ quá hạn từ ngày 21/4/2022.

Tính đến ngày 19/4/2023, ông M, anh T còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là: 76.660.870đ, trong đó nợ gốc là 68.642.969đ, nợ lãi là 6.863.144đ, nợ chậm trả gốc là 830.190đ, nợ chậm trả lãi 324.567đ.

Nay Ngân hàng TMCP B đề nghị ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số tiền nêu trên (tính đến hết ngày 19/4/2023) và ông M, anh T phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 20/4/2023 đến khi trả nợ xong.

Bị đơn là ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tậm làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiêm họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng ông M, anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến trước khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn là ông Dương Đức M, anh Dương

Thanh T không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 19/4/2023 là 76.660.870đ, trong đó nợ gốc là 68.642.969đ, nợ lãi là 6.863.144đ, nợ chậm trả gốc là 830.190đ, nợ chậm trả lãi 324.567đ và ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải tiếp tục trả lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 20/4/2023 đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP B có đơn khởi kiện ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T về hợp đồng tín dụng, mục đích vay là tiêu dùng. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 17/8/2020, Ngân hàng TMCP B và ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T có ký hợp đồng tín dụng và Ngân hàng TMCP B có đơn khởi kiện về hợp đồng tín dụng. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); thông báo về kết quả phiêm họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 05/5/2017.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về yêu cầu ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải trả tổng số tiền tính đến hết ngày 19/4/2023 là 76.660.870đ, trong đó nợ gốc là 68.642.969đ, nợ lãi là 6.863.144đ, nợ chậm trả gốc là 830.190đ, nợ chậm trả lãi 324.567đ và ông M, anh T phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợsố HD041708200390 ngày 17/8/2020 kể từ ngày 20/4/2023 đến khi trả nợ xong, Hội

đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 17/8/2020, Ngân hàng TMCP B có ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số HD041708200390 cho ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T vay 115.000.000đđ, thời hạn vay 60 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông M, anh T đã trả được cho Ngân hàng là 67.433.174đ, trong đó: 46.357.031đ tiền gốc và 21.076.033đ tiền lãi, phạt. Đến nay còn nợ lại tổng số tiền là: 76.660.870đ, trong đó nợ gốc là 68.642.969đ, nợ lãi là 6.863.144đ, nợ chậm trả gốc là 830.190đ, nợ chậm trả lãi 324.567đ (tính đến hết ngày 19/4/2023). Mặc dù quá trình giải quyết vụ án ông M, anh T vắng mặt, nhưng qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thấy rằng: số tiền vay, thời gian vay và các thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng ngày 17/8/2020 cũng như quá trình thực hiện hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T là có căn cứ. Việc ông M, anh T không trả được nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/8/2020 có quy định về lãi suất (bao gồm lãi suất cho vay, lãi suất nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả), kỳ điều chỉnh lãi suất. Như vậy, lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi ông M và anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số HD041708200390 ngày 17/8/2020.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 76.660.870đ x 5% = 3.833.000đ (làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Khoản 1 Điều 273; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 91, Điều 95 và điểm a Khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T.

Buộc ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số nợ là 76.660.870đ, trong đó nợ gốc là 68.642.969đ, nợ lãi là 6.863.144đ, nợ chậm trả gốc là 830.190đ, nợ chậm trả lãi 324.567đ (tính đến hết ngày 19/4/2023)

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi bị đơn ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của hợp đồng theo mức lãi suất nợ quá hạn ghi trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng bảo đảm tiền vay kiêm khế ước nhận nợ số HD041708200390 ngày 17/8/2020.

- Về án phí: Ông Dương Đức M, anh Dương Thanh T phải liên đới chịu 3.833.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.850.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006501 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Chi cục THADS huyện Lập Thạch;*
- *Các đương sự;*
-*Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.*

Lê Thị Nga